TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ T** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2023
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG

- T phần Hi đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan

Các Hi thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thanh Hùng;

2. Ông Lê Trường Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thuỳ Linh – KSV.

Ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 356/2022/TLST–HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh H, sinh năm 1983. Nơi cư trú: tổ 6, khóm 2, phường B, T phố Đ, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị M, sinh năm 1977. Nơi cư trú: ấp 2, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh H trình bày: Hôn nhân giữa anh chị là do vợ chồng tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau trước và được cha mẹ hai bên định đồng ý nên tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, T phố Đ (theo giấy chứng nhận kết hôn số 181/HT, quyển 01/2007 ngày 27/7/2007 do UBND phường B, T phố Đ cấp cho H với M). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không phù hợp và hiện nay anh chị vẫn còn

sống chung trong nhà, không có sống ly thân. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị M.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 03 đứa con chung tên C, sinh ngày 16/01/2003 (đã trưởng T); X, sinh ngày 22/02/2006; T, sinh ngày 30/10/2008 hiện nay các cháu đang sống chung với anh chị. Khi ly hôn cháu C đã trưởng T và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu X và cháu Phú T có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi và tôi không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị M trình bày: Chị thống nhất về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn như anh H trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm tại tổ 6, khóm 2, phường B, T phố Đ, tỉnh An Giang thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên nhậu nhẹt và anh H bị người phụ nữ khác gạ gẫm tình cảm trong khi anh H là người khuyết tật và chị là người trực tiếp chăm sóc anh H từ trước đến nay và hiện tại anh chị vẫn còn sống chung với nhau trong gia đình, không có sống ly thân. Nay chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của H.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 03 đứa con chung tên C, sinh ngày 16/01/2003 (đã trưởng T); X, sinh ngày 22/02/2006; T, sinh ngày 30/10/2008 hiện nay các cháu đang sống chung với anh chị. Do chị không đồng ý ly hôn với anh H nên không có yêu cầu gì về con chung. Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H, thì cháu C đã trưởng T và lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Kim X và cháu Phú T có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi và chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bà Manh cung cấp: Bà là mẹ ruột của anh H. Hôn nhân giữa H và M là do vợ chồng H, M tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau trước và gia đình bà cũng đồng ý nên đã tiến hành tổ chức lễ cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND phường B, Đ, An Giang. Sau khi kết hôn thì M về sống chung với gia đình bà đến hôm nay. M rất ngoan hiền và luôn lo lắng cho gia đình, chỉ có con bà là H đang có tình cảm bên ngoài với người phụ nữ khác, gia đình đã khuyên ngăn nhưng con không nghe lời. Hiện nay H bị tàn tật không tự đi đứng được nên rất cần sự chăm sóc của vợ con. Còn người phụ nữ kia là người không đàng hoàng. Biết H đã có vợ con mà còn lôi kéo, dụ dỗ. Trong khi con dâu bà hàng ngày phải lo cho cuộc sống gia đình, nuôi 03 đứa con ăn học còn phải chăm sóc cho H. Bà không mong muốn các con ly hôn. Mong Toà án cho H thời gian suy nghĩ lại.

Tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 191, 192, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H. Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H nên đề nghị HĐXX không xem xét về con chung đối với anh H và chị M. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hi quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn tiền án phí DSST cho anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã T nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền: Anh H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị M có nơi cư trú tại ấp 2, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Anh H và chị M tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau trước và được cha mẹ hai bên định đồng ý nên dẫn đến kết hôn với nhau vào năm 2002, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống chung của vợ chồng anh chị cũng không xãy ra mâu thuẫn gì lớn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh H đang có tình cảm bên ngoài với người phụ nữ khác, trong khi chị M luôn là người lo lắng cho gia đình, anh H là người bị khuyết tật và chị là người trực tiếp chăm sóc anh H từ trước đến nay. Hiện nay anh chị vẫn còn sống chung với nhau trong gia đình, không có sống ly thân. Mặc khác, anh H là người bị khuyết tật nên rất cần sự chăm sóc của vợ con. Tại phiên tòa hôm nay, chị M yêu cầu được hàn gắn đoàn tụ tình cảm vợ chồng, chị không đồng ý ly hôn với anh H. HĐXX xét, chấp nhận yêu cầu của chị M.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh chị có 03 đứa con chung tên C, sinh ngày 16/01/2003 (đã trưởng T); X, sinh ngày 22/02/2006; T, sinh ngày 30/10/2008 hiện nay các cháu đang sống chung với anh chị. Do HĐXX xét không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H nên không đặt ra xem xét giải quyết về con chung của anh chị.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Do anh H là người khuyết tận, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hi quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. HĐXX xét, miễn tiền án phí DSST cho anh H. Hoàn trả cho anh H số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hi quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh H xin được ly hôn với chị M.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn tiền án phí DSST cho anh H. Hoàn trả cho anh H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số: 0009469 ngày 16/8/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã T, tỉnh An Giang.

"*Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án*".

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

Huỳnh Ngọc Lan